TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2019
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Phú

2. Ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/11/2013. Cuộc sống chung vợ

chồng sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, thường xảy ra xung đột, cãi vã, đánh đập nhau. Vợ chồng không tìm được hướng đi chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh S nữa, nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị L khai nhận, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/8/2014. Hiện nay con đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng mong muốn được nuôi con và yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho các đương sự nhưng anh Nguyễn Văn S đều không có mặt để giải quyết vụ án. Ngày 13/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã đến làm việc tại gia đình anh Nguyễn Văn S, anh S có mặt ở nhà nhưng không hợp tác làm việc nên không tiến hành hòa giải được giữa các bên đương sự. Anh S sau đó đã tự ý đi làm ăn xa, không cung cấp thông tin địa chỉ cho nguyên đơn và Tòa án biết.

Tòa án yêu cầu chị L và gia đình anh S cung cấp tin tức, địa chỉ cho Tòa án nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh S. Theo thông tin mà chị L và gia đình anh S cho biết thì anh Nguyễn Văn S đã đi lao động ở Đài L, tuy nhiên không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu và làm gì. Tòa án thực hiện việc giải quyết vụ án theo thủ tục chung, tiến hành tống đạt, giao nhận văn bản tố tụng cho người thân của anh S là bà Phan Thị P (là mẹ đẻ của anh S). Sau khi nhận được các văn bản của Toà án thì bà Phán cũng đã trực tiếp thông tin, liên lạc, thông báo cho anh S biết, nhưng anh S không có ý kiến gì. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2019, Toà án đã mở phiên toà nhưng anh S vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay anh S vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn S.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S; giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 12/2019 trở đi, cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; buộc anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn S và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, anh Nguyễn Văn S vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch,

tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/11/2013 nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau, hai bên không tìm được hướng đi chung, vì vậy đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị L xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh S, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh S được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với anh Nguyễn Văn S, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, anh S đã biết rõ việc chị L làm đơn xin ly hôn anh và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã không phối hợp làm việc, cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Sau khi đi làm ăn xa mặc dù đã được người thân thông báo yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp tin tức, địa chỉ và gửi lời khai, bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhưng anh S vẫn không thực hiện, cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Điều này thể hiện việc anh S không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ, con và gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Trần Thị L cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S có một con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/8/2014. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L có nguyện vọng mong muốn được nuôi con. Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị L thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu B sống cùng chị L, do chị L một mình chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học. Chị L hiện đang là giáo viên nên có khả năng, thời gian, điều kiện ổn định để chăm lo cho cuộc sống của con. Trong khi anh S lại đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, chưa dành thời gian và điều kiện để chăm sóc con chung. Do vậy, khi ly hôn cần xem xét điều kiện, cơ sở mỗi bên, điều kiện học tập phát triển lành mạnh, bình thường của cháu B mà tiếp tục giao cháu cho một trong hai bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc dù không ở cùng với chị L, anh S nhưng việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cũng là trách nhiệm của cha mẹ và người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét

yêu cầu của chị L về mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng, cũng như để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cháu B nên yêu cầu và mức cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng như vậy là phù hợp với nhu cầu, điều kiện và tình hình thực tế.

Xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 12/2019 trở đi cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung:

2.1: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2: Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 12/2019 trở đi, cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị L phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001283, ngày 18/4/2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4.2: Buộc anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung công quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực